

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

Tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

Số 92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Ông Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Việt	Ủy viên
Ông Ngô Hữu Hùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)
Bà Trần Thị Bích Phương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)
Ông Hồ Chương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)
Ông Mai Hoàng Sơn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Ông Tiêu Văn Hòa	Thành viên
Ông Trần Phước Cao	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)
Bà Vũ Thị Thanh Mai	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2016)
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2016)
Ông Hồ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

Số 92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Võ Thành Nhân**Tổng Giám đốc***Ngày 30 tháng 3 năm 2017*

Số: /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH") với giá trị khoản đầu tư và dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 24.124.433.000 đồng và 7.106.421.272 đồng. Công ty chưa ước tính lại số dư dự phòng giảm giá đầu tư vào MSH dựa theo giá trị tài sản thuần của MSH tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 thì chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ lần lượt tăng và giảm với cùng số tiền ước tính là 8.180.802.812 đồng. Đồng thời, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" và "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ lần lượt tăng và giảm với cùng số tiền ước tính là 8.180.802.812 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Ngoài ra, giá trị tài sản thuần của MSH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư có tổng giá trị là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ ("BOT Phú Mỹ"). Việc không ghi nhận khoản chi phí dự phòng ước tính cho khoản đầu tư tại BOT Phú Mỹ nói trên vào giá trị tài sản thuần của MSH xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến BOT Phú Mỹ để xác định ảnh hưởng (nếu có) đến tài sản thuần của MSH tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh thêm cho số dư dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư của Công ty vào MSH hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Minh Thao

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1902-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Trọng Thế

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2649-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.874.189.808	65.867.708.892
I. Tiền	110		7.954.491.084	5.764.631.916
1. Tiền	111	4	7.954.491.084	5.764.631.916
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.296.234.451	53.435.307.846
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.371.667.919	2.919.343.005
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		237.472.829	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	4.115.181.360	2.354.970.711
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	47.872.581.504	51.403.050.782
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.300.669.161)	(3.242.056.652)
III. Hàng tồn kho	140		1.025.520.849	1.026.111.613
1. Hàng tồn kho	141		1.025.520.849	1.026.111.613
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.597.943.424	5.641.657.517
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.682.835.880	2.506.080.471
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.736.574.041	13.708.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		178.533.503	3.121.868.119
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		338.901.980.814	280.087.201.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.959.024.186	1.363.032.771
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	1.847.950.186	1.363.032.771
2. Phải thu dài hạn khác	216		111.074.000	-
II. Tài sản cố định	220		202.864.461.380	185.637.954.699
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	184.545.915.380	167.319.408.699
- Nguyên giá	222		254.612.137.052	232.117.489.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.066.221.672)	(64.798.081.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	18.318.546.000	18.318.546.000
- Nguyên giá	228		18.318.546.000	18.318.546.000
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		19.090.909.096	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	19.090.909.096	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		112.632.652.889	92.817.237.949
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	108.060.221.847	90.320.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	24.124.433.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	680.000.000	18.133.937.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(20.232.001.958)	(15.636.699.051)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.354.933.263	268.975.888
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.354.933.263	268.975.888
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		404.776.170.622	345.954.910.199
(270=100+200)				

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		301.289.938.469	246.065.602.408
I. Nợ ngắn hạn	310		149.313.847.145	93.304.696.583
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	31.502.742.585	3.405.953.568
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		210.450.450	894.397.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	582.139.081	507.623.152
4. Phải trả người lao động	314		4.485.931.615	5.440.653.295
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.369.190.250	210.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	21.617.157.600	13.531.094.481
7. Vay ngắn hạn	320	20	88.418.667.564	69.112.286.987
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		127.568.000	202.687.600
II. Nợ dài hạn	330		151.976.091.324	152.760.905.825
1. Phải trả người bán dài hạn	331		57.730.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	53.040.478.932	51.366.296.885
3. Vay dài hạn	338	21	98.877.882.392	101.394.608.940
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.486.232.153	99.889.307.791
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	103.486.232.153	99.889.307.791
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.792.610.000	92.792.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.792.610.000	92.792.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		289.330.000	289.330.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		166.650.000	166.650.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.237.642.153	6.640.717.791
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.195.136.234	3.103.896.944
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.042.505.919	3.536.820.847
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		404.776.170.622	345.954.910.199

Dương Trung Tình
Người lập biểuĐoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởngVõ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		218.651.617.236	175.706.813.714
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		90.032.760	73.608.992
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	218.561.584.476	175.633.204.722
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	24	176.995.361.302	137.358.808.755
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.566.223.174	38.274.395.967
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	9.638.606.884	9.379.144.382
7. Chi phí tài chính	22	27	21.856.179.426	19.418.468.889
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.991.586.366	12.788.169.255
8. Chi phí bán hàng	25		8.069.792.354	12.570.433.738
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13.386.602.373	10.978.565.022
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.892.255.905	4.686.072.700
11. Thu nhập khác	31		3.748.617.032	6.212.384.208
12. Chi phí khác	32		2.217.774.406	1.496.504.306
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	1.530.842.626	4.715.879.902
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.423.098.531	9.401.952.602
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	380.592.612	337.906.957
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	87.642.953
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		9.042.505.919	8.976.402.692

Dương Trung Tình
Người lập biểuĐoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởngVõ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.423.098.531	9.401.952.602
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	30.911.187.736	25.645.394.636
Các khoản dự phòng	03	4.653.915.416	7.631.628.453
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.455.014.616)	(5.709.421.188)
Chi phí lãi vay	06	16.991.586.366	12.788.169.255
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	49.524.773.433	49.757.723.758
Thay đổi các khoản phải thu	09	(19.771.739.637)	(13.226.284.788)
Thay đổi hàng tồn kho	10	590.764	(386.464.257)
Thay đổi các khoản phải trả	11	26.203.204.333	30.933.106.851
Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.262.712.784)	(1.128.235.067)
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.991.586.366)	(12.863.403.062)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(234.146.697)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(875.119.600)	(1.050.462.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.827.410.143	51.801.834.338
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(50.798.673.645)	(95.993.454.680)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	9.147.841.500	23.607.776.293
3. Tiền chi cho vay	23	(6.950.000.000)	(1.420.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	4.704.871.936	156.967.229
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.551.398)	(25.754.433.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	305.658.403	379.144.382
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.600.853.204)	(99.023.999.776)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	105.875.971.930	183.928.904.802
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(95.086.317.901)	(130.175.107.896)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(826.351.800)	(2.777.197.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.963.302.229	50.976.599.741
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	2.189.859.168	3.754.434.303
Tiền đầu năm	60	5.764.631.916	2.010.197.613
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	7.954.491.084	5.764.631.916

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là "MLC", tiền thân là Công ty Cổ phần Mai Linh Đà Nẵng được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2000, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0400382219 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13 tháng 11 năm 2015.

Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2010. Mã chứng khoán của Công ty là "MNC", bắt đầu giao dịch từ ngày 16 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 92.792.610.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (viết tắt là "MLG") là cổ đông chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.162 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.112).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các chi nhánh, công ty con sở hữu trực tiếp và công ty con sở hữu gián tiếp sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ	
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung - Chi nhánh Du Lịch	Số 92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	
Tên công ty con sở hữu trực tiếp	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, Phường Phú Hải, Thành Phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Số 169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị Xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế (*)	177 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Số 206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Số 28, Hà Huy Tập, Phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Số 33A, Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Số 232, Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Số 97D, Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Số 147, Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Dịch vụ taxi

(*) Ngày 02 tháng 11 năm 2015, theo Nghị quyết số 42/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế (Công ty con) đã nhận chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn điều lệ của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Thành Đô Huế. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Thành Đô Huế là 6.210.000.000 đồng, giá mua là 6.000.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển nhượng vốn góp. Công ty TNHH Thành Đô Huế đã ngưng hoạt động vào thời điểm được chuyển nhượng về Công ty TNHH Mai Linh Huế. Bản chất của việc Công ty TNHH Mai Linh Huế nhận chuyển nhượng vốn góp của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Thành Đô Huế là để mua lại tài sản cố định của Công ty TNHH Thành Đô Huế.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2016, Công ty hoạt động bình thường và không có sự kiện phát sinh ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; do đó, Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 bên dưới.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 9
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê:

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê:

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá gốc của các xe ô tô trong quá trình đăng ký quyền sở hữu và chưa sẵn sàng sử dụng. Giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước phí bảo hiểm, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ khác được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.853.360.614	911.428.791
Tiền gửi ngân hàng	6.078.486.046	4.853.203.125
Tiền đang chuyển	22.644.424	-
	7.954.491.084	5.764.631.916

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	-	705.970.320
Công ty TNHH Du lịch Toàn Cầu Việt	411.848.503	62.838.600
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.959.819.416	2.150.534.085
	3.371.667.919	2.919.343.005

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	4.115.181.360	2.354.970.711
Cho vay dài hạn	1.847.950.186	1.363.032.771
	5.963.131.546	3.718.003.482

Chi tiết các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đối tượng	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền
			VND
Ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	12 tháng	1%/tháng	1.000.000.000
Ông Hồ Văn Dũng - DNTN Tân Bình	3 tháng	0,75%/tháng	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	12 tháng	0,83-0,91%/tháng	842.252.776
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	1 tháng	0,75-0,83%/tháng	272.928.584
			4.115.181.360
Dài hạn			
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	36-48 tháng	0,83-0,91%/tháng	1.562.155.254
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	48 tháng	0,83%/tháng	285.794.932
			1.847.950.186

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty thành viên của Công ty (*)	26.575.501.026	11.605.684.733
Công ty thành viên trong Tập đoàn Mai Linh (*)	19.723.424.789	18.508.428.594
Công ty Cổ Phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng (bên liên quan)	-	19.970.496.000
Tạm ứng	1.022.878.932	722.806.063
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	301.074.000
Các khoản phải thu khác	550.776.757	294.561.392
	47.872.581.504	51.403.050.782

(*) Chi tiết các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh số 31.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm nay và năm trước:

	Số tiền
	VND
Số dư đầu năm trước	2.190.203.210
Trích dự phòng trong năm	1.051.853.442
Số dư đầu năm nay	3.242.056.652
Trích dự phòng trong năm	58.612.509
Số dư cuối năm nay	3.300.669.161

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi có giá trị lớn bao gồm:

Đối tượng nợ	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Giá trị có thể thu hồi
		Giá gốc	Dự phòng	
		VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	Trên 3 năm	3.128.861.729	3.128.861.729	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	Trên 3 năm	61.940.319	61.940.319	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	Từ 2 - 3 năm	136.904.005	109.867.113	27.036.892

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	2.682.835.880	2.506.080.471
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.022.473	1.249.448.965
Chi phí bảo hiểm	1.086.545.135	182.022.942
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.559.268.272	1.074.608.564
b. Dài hạn	2.354.933.263	268.975.888
Vật tư xuất dùng	656.496.543	268.975.888
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.698.436.720	-

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	3.692.132.322	164.432.113	228.260.925.264	232.117.489.699
Tăng trong năm	-	-	56.539.443.041	56.539.443.041
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(34.044.795.688)	(34.044.795.688)
Số cuối năm	3.692.132.322	164.432.113	250.755.572.617	254.612.137.052
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	1.970.911.153	164.432.113	62.662.737.734	64.798.081.000
Khấu hao trong năm	211.456.978	-	30.699.730.758	30.911.187.736
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(25.643.047.064)	(25.643.047.064)
Số cuối năm	2.182.368.131	164.432.113	67.719.421.428	70.066.221.672
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	1.721.221.169	-	165.598.187.530	167.319.408.699
Số cuối năm	1.509.764.191	-	183.036.151.189	184.545.915.380

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 183.036.151.189 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 165.598.187.530 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 983.666.055 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 617.366.266 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của các tài sản cố định là phương tiện vận tải đã cam kết bán cho các bên cá nhân hợp tác kinh doanh khi hợp đồng hợp tác kinh doanh đáo hạn là 50.479.451.769 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 56.540.680.574 đồng)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của hai (02) lô đất sau:

- (a) Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ, Xã Hòa Châu, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng có diện tích 12.594,80 m² với số tiền 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng như trình bày tại Thuyết minh số 20.
- (b) Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng với số tiền 936.000.000 đồng. Tài sản này đã được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Đà Nẵng như trình bày tại Thuyết minh số 20.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá gốc của các xe ô tô taxi trong quá trình đăng ký quyền sở hữu và chưa sẵn sàng đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	20.980.000.000	(2.960.022.146)	12.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3.800.000.000	-	3.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	3.800.000.000	(1.054.065.885)	3.800.000.000	(1.276.574.643)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	23.120.000.000	-	19.120.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	3.600.000.000	(534.299.546)	3.600.000.000	(735.861.127)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	10.960.221.847	(8.577.193.109)	6.800.000.000	(6.517.842.009)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	4.800.000.000	-	3.600.000.000	-
	108.060.221.847	(13.125.580.686)	90.320.000.000	(8.530.277.779)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Quảng Bình	99,94%	99,94%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Huế	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Bình Định	100%	100%	Dịch vụ taxi

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Phú Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Gia Lai	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Kon Tum	100%	100%	Dịch vụ taxi

Từ ngày 01 tháng 6 năm 2016, Công ty nhận chuyển nhượng vốn của Ông Hồ Văn Dũng tại Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (công ty con) với giá trị chuyển nhượng là 8.380.000.000 đồng. Theo đó, Công ty nắm giữ 99,94% vốn điều lệ của Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 75%).

Trong năm 2016, Công ty tăng vốn đầu tư ở Công ty TNHH Mai Linh Quảng Ngãi, Công ty TNHH Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH Mai Linh Gia Lai với số tiền lần lượt là 4.000.000.000 đồng, 1.200.000.000 đồng và 4.160.221.847 đồng.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	24.124.433.000	(7.106.421.272)	-	-

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện một số nghiệp vụ tăng và giảm vốn đầu tư tại MSH. Theo đó, số dư khoản đầu tư vào MSH tăng từ 17.453.937.000 đồng (Thuyết minh số 15) lên 24.124.433.000 đồng.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty được đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ trực tiếp (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	Khánh Hòa	10	10	Dịch vụ taxi

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ đầu tư trực tiếp và gián tiếp (thông qua các công ty con) của Công ty vào MSH là 25,08% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 18,84%). Theo đó, khoản đầu tư của Công ty vào MSH được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết.

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	-	-	17.453.937.000	(7.106.421.272)
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	680.000.000	-	680.000.000	-
	680.000.000	-	18.133.937.000	(7.106.421.272)

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty được đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	Đà Nẵng	10	10	Dịch vụ taxi

16. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	(1.054.065.885)	(1.276.574.643)
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	(2.960.022.146)	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	(534.299.546)	(735.861.127)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	(8.577.193.109)	(6.517.842.009)
MSH (*)	(7.106.421.272)	(7.106.421.272)
	<u>(20.232.001.958)</u>	<u>(15.636.699.051)</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng của Công ty, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính đã kiểm toán của MSH cho năm 2016 nên Ban Tổng Giám đốc không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính của MSH để làm cơ sở ước tính lại số dư dự phòng giảm giá đầu tư vào MSH dựa theo giá trị tài sản thuần của MSH tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh số 31)	2.700.370.433	1.031.664.562
Xí Nghiệp Toyota Đà Nẵng-Công ty CP Phú Tài (*)	25.037.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ số Toàn Cầu	200.148.644	387.123.660
Phải trả người bán ngắn hạn khác	3.564.723.508	1.987.165.346
	<u>31.502.742.585</u>	<u>3.405.953.568</u>

(*) Đây là khoản phải trả liên quan đến việc đầu tư mua xe ô tô tại Xí nghiệp Toyota Đà Nẵng - Công ty CP Phú Tài.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp trong năm</u> VND	<u>Số đã thực nộp, căn trừ trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	180.562.500	12.305.650.417	12.259.248.217	226.964.700
Thuế thu nhập cá nhân	267.435.652	2.095.757.926	2.008.019.197	355.174.381
Các loại thuế khác	59.625.000	13.600.000	73.225.000	-
	<u>507.623.152</u>	<u>14.415.008.343</u>	<u>14.340.492.414</u>	<u>582.139.081</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	21.617.157.600	13.531.094.481
Kinh phí công đoàn	285.491.210	92.931.794
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.103.980.419	921.687.146
Phải trả cho các công ty thành viên của Công ty (Thuyết minh số 31)	6.909.029.835	5.079.732.066
Phải trả các công ty thành viên trong MLG	25.463.234	397.106.355
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị rửa xe	219.969.032	484.609.180
Thu hộ nhà đầu tư hợp tác xe kinh doanh taxi	2.062.552.870	1.910.257.625
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.906.248.975	2.494.610.500
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh (*)	7.703.500.000	1.424.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	400.922.025	725.659.815
b. Dài hạn	53.040.478.932	51.366.296.885
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (**)	11.244.478.932	10.333.796.885
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh (*)	41.796.000.000	41.032.500.000
	74.657.636.532	64.897.391.366

(*) Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh thể hiện khoản nhận tiền ký quỹ không có lãi suất cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh xe taxi của các chủ đầu tư và được phân loại ngắn hạn, dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán căn cứ vào kỳ hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

(**) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thể hiện khoản nhận ký quỹ, ký cược không có lãi suất của nhân viên lái xe đối với Công ty khi ký hợp đồng lao động, các khoản ký quỹ này được áp dụng theo quy định của Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nhân viên nghỉ việc; và các khoản ký quỹ mở thẻ "Mailinh Customer Club" ("MCC") của khách hàng.

20. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	25.456.782.803	25.456.782.803	58.170.800.692	53.115.391.704	30.512.191.791	30.512.191.791
Vay ngắn hạn cá nhân	7.701.000.000	7.701.000.000	4.495.000.000	1.513.000.000	10.683.000.000	10.683.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	25.646.104.004	25.646.104.004	31.392.929.004	25.646.104.004	31.392.929.004	31.392.929.004
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	10.308.400.180	10.308.400.180	9.523.510.794	10.601.364.205	9.230.546.769	9.230.546.769
Vay công ty thành viên - Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Vay ngắn hạn khác	-	-	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000
	69.112.286.987	69.112.286.987	110.182.240.490	90.875.859.913	88.418.667.564	88.418.667.564

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ cho kinh doanh. Các khoản vay được thực hiện bằng Đồng Việt Nam, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 11 và chịu lãi suất trong khoảng từ 7,5%/năm đến 8,8%/năm (năm 2015: từ 7%/năm đến 9%/năm). Các khoản vay này có thời hạn vay từ 4 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp bằng Đồng Việt Nam để tài trợ vốn lưu động, có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,87% đến 1% (năm 2015: từ 0,87%/tháng đến 1%/tháng).

Vay ngắn hạn từ Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình (công ty con) thể hiện khoản vay tín chấp bằng Đồng Việt Nam để tài trợ vốn lưu động với lãi suất 9%/năm, với kỳ hạn 12 tháng.

Vay ngắn hạn khác là khoản vay tín chấp từ Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng (bên liên quan) bằng Đồng Việt Nam để tài trợ vốn lưu động với lãi suất 9%/năm với kỳ hạn 9 tháng.

21. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng	109.798.096.497	109.798.096.497	34.822.200.000	29.609.827.772	115.010.468.725	115.010.468.725
Vay dài hạn cá nhân	27.551.016.627	27.551.016.627	4.125.000.000	7.185.127.188	24.490.889.439	24.490.889.439
	137.349.113.124	137.349.113.124	38.947.200.000	36.794.954.960	139.501.358.164	139.501.358.164
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	35.954.504.184					40.623.475.772
- Số phải trả sau 12 tháng	<u>101.394.608.940</u>					<u>98.877.882.392</u>

Vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ô tô cho kinh doanh dịch vụ taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 10) và có thời hạn vay từ 48 tháng đến 96 tháng với lãi suất trong khoảng từ 8%/năm đến 10,5%/năm (năm 2015: từ 9%/năm đến 12%/năm).

Vay dài hạn cá nhân là các khoản vay tín chấp bằng Đồng Việt Nam thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh xe taxi với thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,83% đến 1,08% (năm 2015: từ 1%/tháng đến 1,04%/tháng).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	40.623.475.773	35.954.504.184
Trong năm thứ hai	36.666.546.549	30.926.164.527
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	60.548.835.827	68.818.444.413
Sau năm năm	1.662.500.016	1.650.000.000
	139.501.358.165	137.349.113.124
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(40.623.475.773)	(35.954.504.184)
Số phải trả sau 12 tháng	98.877.882.392	101.394.608.940

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	3.103.896.944	96.352.486.944
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.976.402.692	8.976.402.692
Tăng khác	-	-	-	48.655	48.655
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.439.630.500)	(5.439.630.500)
Số dư đầu năm nay	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	6.640.717.791	99.889.307.791
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.042.505.919	9.042.505.919
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.439.630.500)	(5.439.630.500)
Giảm khác	-	-	-	(5.951.057)	(5.951.057)
Số dư cuối năm nay	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	10.237.642.153	103.486.232.153

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 18 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 800.000.000 đồng và công bố chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5% với tổng số tiền là 4.639.630.500 đồng và chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, việc chia cổ tức bằng cổ phiếu chưa được thực hiện.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được duyệt và đã bán ra công chúng	9.279.261	9.279.261
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.279.261	9.279.261
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

Vốn cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn cổ phần của Công ty là 92.792.610.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 92.792.610.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	4.434.781	47,79	44.347.810.000	4.434.781	47,79	44.347.810.000
Ông Hồ Huy	1.174.380	12,66	11.743.800.000	1.174.380	12,66	11.743.800.000
Các Cổ đông khác	3.670.100	39,55	36.701.000.000	3.670.100	39,55	36.701.000.000
	9.279.261	100	92.792.610.000	9.279.261	100	92.792.610.000

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

23. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	218.651.617.236	175.706.813.714
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	173.157.351.582	132.701.202.266
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	676.475.591	1.963.177.910
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	4.584.857.754	3.833.508.197
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	11.959.055.929	13.214.788.166
Doanh thu cho thuê và quản lý xe thương quyền	19.335.807.128	16.505.249.130
Doanh thu từ hoạt động cho thuê thương hiệu Mai Linh	6.614.545.455	5.623.892.306
Doanh thu các dịch vụ khác	2.323.523.797	1.864.995.739
Các khoản giảm trừ doanh thu	(90.032.760)	(73.608.992)
Chiết khấu thương mại	(90.032.760)	(73.608.992)
	218.561.584.476	175.633.204.722

24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ taxi	149.982.928.385	109.797.661.566
Giá vốn dịch vụ cho thuê xe	74.387.018	911.253.333
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	2.741.163.789	2.941.773.748
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	10.367.302.688	11.414.498.251
Giá vốn cho thuê và quản lý xe thương quyền	7.215.033.967	6.669.729.551
Giá vốn cho thuê thương hiệu	6.614.545.455	5.623.892.306
	176.995.361.302	137.358.808.755

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.619.292.846	28.869.118.562
Chi phí nhân công	85.668.094.823	66.842.838.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.911.187.736	25.645.394.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.081.575.409	33.709.987.594
Chi phí khác	21.171.605.215	5.840.468.602
	198.451.756.029	160.907.807.515

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	305.658.403	379.144.382
Lợi nhuận được chia từ công ty con (Thuyết minh số 31)	9.000.000.000	9.000.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	332.948.481	-
	9.638.606.884	9.379.144.382

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.991.586.366	12.788.169.255
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	3.934.934.180	6.579.775.011
Chi phí hoạt động tài chính khác	929.658.880	50.524.623
	21.856.179.426	19.418.468.889

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.816.407.732	5.709.421.188
Khác	932.209.300	502.963.020
Thu nhập khác	3.748.617.032	6.212.384.208
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.399.400.000	1.055.000.000
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	-	229.448.722
Khác	818.374.406	212.055.584
Chi phí khác	2.217.774.406	1.496.504.306
Lợi nhuận khác	1.530.842.626	4.715.879.902

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	9.423.098.531	9.401.952.602
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.479.864.528</i>	<i>957.432.358</i>
Thu nhập chịu thuế	1.902.963.059	1.359.384.960
Thuế suất thông thường	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	380.592.612	299.064.691
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	38.842.266
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	380.592.612	337.906.957

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2015: 22%) trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm nay vì không có các chênh lệch đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng với cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh riêng doanh trong năm	4.611.818.221	4.895.583.817

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	4.461.818.182	3.061.090.909
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.887.272.727	28.178.181.818
	15.349.090.909	31.239.272.727

Các khoản thuê hoạt động thể hiện thể hiện số tiền thuê xe cho dịch vụ taxi với thời gian thuê từ một (01) đến năm (05) năm.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	Cổ đông chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	Công ty thành viên trong MLG
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	Công ty liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cung cấp dịch vụ		
Công ty thành viên của Công ty		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	15.499.732	116.713.669
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	272.727.273	541.649.841
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	2.642.249.920	3.107.229.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	1.554.316.092	868.510.271
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	446.453.369	769.835.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	2.790.974.232	1.939.783.845
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	11.227.005	47.826.255
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	40.317.912	653.632.767
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	13.374.733	10.809.091
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	38.704.278	27.272.727
	7.825.844.546	8.083.262.466
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	19.683.642.912	17.786.300.937
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	-	45.454.545
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	-	9.090.909
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	3.818.182	106.240.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	-	4.790.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	-	3.090.909
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	-	38.513.200
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	-	4.545.455
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	-	6.222.728
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	285.836.675	-
	19.973.297.769	18.004.248.683
	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty thành viên của Công ty		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	189.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	60.750.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	2.272.727	3.641.818
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	9.528.000	310.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	-	340.599.120
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	-	3.923.232.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	94.500.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	100.000	732.643.788
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	-	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	7.767.000	5.702.693.763
	363.917.727	10.703.120.489

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	15.708.223.569	16.688.194.456
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	-	735.223.850
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	-	222.380.000
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	1.364.455	63.986.545
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	2.363.636	-
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	973.636	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	-	29.152.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	-	2.128.000
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	-	197.534.550
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	29.686.736	250.166.513
	15.742.612.032	18.188.765.914
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ Phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	4.648.866.248	2.731.272.725
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hồ Huy	2.201.100.000	905.960.000
	6.849.966.248	3.637.232.725
Mua tài sản cố định		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	-	1.970.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	-	2.610.000.000
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cho vay		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	2.000.000.000	900.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	500.000.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Tân Bình	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	1.450.000.000	520.000.000
	6.950.000.000	1.420.000.000
Đầu tư		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	8.380.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	4.160.221.847	6.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh KonTum	1.200.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	-	3.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	19.970.496.000	4.574.433.000
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	-	680.000.000
	37.710.717.847	19.254.433.000
Nhận cổ tức từ công ty con		
Công ty TNHH Mai Linh Huế	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Bình Định	1.600.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Kon Tum	1.200.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Ngãi	3.200.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	-	3.000.000.000
	9.000.000.000	9.000.000.000

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chuyển nhượng khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho		
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	7.300.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	6.000.000.000	-
	13.300.000.000	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương	2.494.576.000	2.031.640.923
Các khoản phúc lợi khác	1.596.905.600	1.266.455.000
	4.091.481.600	3.298.095.923

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty thành viên của Công ty		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	1.008.670.606
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1.719.969.503	1.487.694.503
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	7.293.416.369	4.127.097.537
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	3.366.678.594	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	1.512.012.309	20.806.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	4.865.155.286	3.443.249.979
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	6.376.011.121	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	1.393.805.873	1.518.166.108
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	45.877.265	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	2.574.706	-
	26.575.501.026	11.605.684.733
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	12.247.561.719	11.557.755.102
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	2.297.818.727	2.297.818.727
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	98.822.973	63.086.081
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	13.607.000	13.607.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	464.000.000	23.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	61.940.319	61.940.319
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	3.128.861.729	3.128.861.729
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	1.357.867.543	1.357.995.889
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	-	-
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh	42.444.779	4.363.747
	19.723.424.789	18.508.428.594
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	-	19.970.496.000

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác		
Công ty thành viên của Công ty		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	471.839.300	28.264.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	2.604.807.797	4.201.315.667
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	59.997.606	182.504.904
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	3.036.273.469	664.691.920
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	226.946.986	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	10.536.860	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	495.153.697	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	3.474.120	2.955.575
	6.909.029.835	5.079.732.066
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác		
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.360.000	1.360.000
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	-	2.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	-	60.299.800
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	-	195.686.590
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	-	4.290.000
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	-	20.405.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	23.933.234	23.933.234
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	-	48.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	170.000	170.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	-	13.677.600
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	-	16.430.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	-	10.854.131
	25.463.234	397.106.355
Cho vay ngắn hạn, dài hạn		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	-	1.354.970.711
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	2.404.408.030	843.032.771
Doanh nghiệp Tư nhân Tân Bình	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	558.723.516	520.000.000
	5.963.131.546	3.718.003.482

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	2.110.527.562	596.664.562
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	371.799.240	435.000.000
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	3.850.000	-
Công ty CP TM DV Thiết Kế & In Bao Bì Năng Động	5.851.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	20.405.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	103.950.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	8.543.700	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	10.854.131	-
Công ty CP Sản Xuất & Thương Mại Mai Linh	60.299.800	-
Công ty CP Mai Linh Miền Nam	4.290.000	-
	2.700.370.433	1.031.664.562
Đầu tư nội bộ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	20.980.000.000	12.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	23.120.000.000	19.120.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	4.800.000.000	6.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	10.960.221.847	3.600.000.000

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 22.761.363.636 đồng (2015: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm không bao gồm 570.314.859 đồng (năm 2015: 0 đồng), là số tiền phát sinh từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm nhưng chưa được thu hồi. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm không bao gồm 1.499.999.997 đồng (năm 2015: 0 đồng), là số tiền phát sinh từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm được thu hồi bằng cách căn trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm không bao gồm 37.710.717.847 đồng (năm 2015: 2.500.000.000 đồng), là số tiền chi để nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình, Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi được căn trừ công nợ hoặc chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.

Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 9.000.000.000 đồng (năm 2015: 9.000.000.000 đồng), là số tiền lợi nhuận được chia từ các công ty con phát sinh trong năm nhưng chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay trong năm không bao gồm 332.948.481 đồng (năm 2015: 0 đồng) là tiền lãi cho vay phát sinh trong năm được thu hồi bằng cách căn trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm 13.300.000.000 đồng (năm 2015: 19.970.496.000 đồng), là số tiền chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho Công ty Mai Linh Hội An và cho chính Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên bằng cách căn trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.

Tiền thu từ đi vay trong năm không bao gồm 6.000.000.000 đồng là số tiền vay phát sinh trong năm thu được bằng cách căn trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức không bao gồm 3.401.640.225 đồng (năm 2015: 0 đồng), là số cổ tức chia cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh đã được chi trả bằng cách căn trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2017